

Số:...../2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2023

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ**  
**khuyến khích chuyển giao**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật chuyển giao công nghệ, bao gồm:

a) Dự án có chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư;

b) Dự án thực hiện chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho doanh nghiệp Việt Nam để được áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư;

c) Tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định tại khoản 4 Điều 39 Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Quyết định này không áp dụng đối với chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp bí mật nhà nước trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng hoặc chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách đặc biệt cho an ninh, quốc phòng.

3. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao và các tổ chức, cá nhân có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 2. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận**

Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ là cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (sau đây gọi tắt là Cơ quan cấp Giấy chứng nhận), cụ thể:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho tổ chức, doanh nghiệp, dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và dự án đầu tư thuộc đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt.

2. Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao cho tổ chức, doanh nghiệp, dự án đầu tư tại địa phương và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Điều 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận**

1. Bên giao hoặc bên nhận công nghệ thay mặt các bên, gửi 12 bộ hồ sơ (01 bản gốc và 11 bản sao) đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trực tiếp, hoặc thông qua đường bưu chính) đến bộ phận một cửa của Cơ quan cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục Quyết định này);

b) Bản chính hoặc bản sao có công chứng Thỏa thuận chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với Thỏa thuận chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài;

c) Thuyết minh nội dung chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao được ghi trong Thỏa thuận chuyển giao công nghệ (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục của Quyết định này);

d) Bản sao có công chứng văn bằng bảo hộ hoặc đơn đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp chưa được cấp văn bằng bảo hộ), giấy chứng nhận chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (trong trường hợp có chuyển giao quyền đối với các đối tượng sở hữu công nghiệp);

đ) Báo cáo về kết quả triển khai các nội dung chuyển giao công nghệ ghi trong Thỏa thuận chuyển giao công nghệ;

e) Bản sao có công chứng một trong các giấy tờ sau: Quyết định chấp

thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương của các bên tham gia thỏa thuận chuyển giao công nghệ;

g) Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia thỏa thuận chuyển giao công nghệ, người đại diện các bên thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao và Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao).

## 2. Trình tự thủ tục xem xét, thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan có thẩm quyền xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc có nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, Cơ quan có thẩm quyền có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung, trong đó nêu rõ nội dung sửa đổi, bổ sung, thời hạn sửa đổi, bổ sung.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyết định thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) để thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao.

c) Hội đồng có số lượng từ 07 đến 11 thành viên gồm: Chủ tịch, Thư ký là công chức của Cơ quan cấp Giấy chứng nhận và các ủy viên Hội đồng. Thành phần của Hội đồng gồm: 02 ủy viên phản biện là những người am hiểu sâu lĩnh vực công nghệ chuyển giao được đề nghị cấp Giấy chứng nhận; đại diện các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan; và tối thiểu 1/2 (một phần hai) là các chuyên gia, nhà khoa học độc lập phù hợp với lĩnh vực công nghệ chuyển giao cần thẩm định.

### d) Kiểm tra thực tế chuyển giao công nghệ

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng tổ chức kiểm tra thực tế các nội dung chuyển giao công nghệ được ghi trong Thỏa thuận chuyển giao công nghệ tại bên nhận công nghệ. Kết quả kiểm tra được lập thành Biên bản kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục của Quyết định này).

### đ) Hợp thẩm định hoạt động chuyển giao công nghệ

- Thư ký Hội đồng tổng hợp hồ sơ, Biên bản kiểm tra thực tế và tài liệu có liên quan cung cấp cho các thành viên của Hội đồng trước khi họp thẩm định hồ sơ ít nhất 03 ngày làm việc.

- Phiên họp của Hội đồng được tổ chức trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành kiểm tra thực tế và phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng tham dự. Trường hợp không đủ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng tham dự, Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc lấy ý kiến bằng văn

bản đối với thành viên vắng mặt. Phiếu ý kiến thành viên Hội đồng vắng mặt được tính tương đương Phiếu ý kiến thành viên Hội đồng có mặt.

- Nội dung cuộc họp nhằm xem xét, đánh giá: sự phù hợp của công nghệ chuyển giao với Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao ban hành kèm theo Nghị định số 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ; việc triển khai các nội dung chuyển giao công nghệ được ghi trong Thỏa thuận chuyển giao công nghệ và các nội dung khác có liên quan.

- Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập thể, bỏ phiếu kín về việc đồng ý hay không đồng ý cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao. Phương án được 3/4 (ba phần tư) số phiếu của thành viên Hội đồng (theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục của Quyết định này) có mặt lựa chọn hoặc 1/2 (một phần hai) số phiếu của toàn bộ thành viên Hội đồng trở lên là ý kiến chính thức của Hội đồng.

- Thư ký Hội đồng ghi và hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng (theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục của Quyết định này).

- Hội đồng thông qua Biên bản họp Hội đồng.

- Chủ tịch Hội đồng thay mặt Hội đồng ký Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục của Quyết định này).

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng, Cơ quan cấp Giấy chứng nhận xem xét, quyết định việc cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục của Quyết định này). Trường hợp từ chối, phải trả lời nêu rõ lý do bằng văn bản.

#### **Điều 4. Thời điểm thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận và hiệu lực của Giấy chứng nhận**

1. Việc xem xét, cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao được thực hiện sau khi các nội dung chuyển giao công nghệ đã được triển khai và đã sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn theo Thỏa thuận chuyển giao công nghệ hoặc đạt tiêu chuẩn do bên nhận công nghệ công bố (trong trường hợp Thỏa thuận chuyển giao công nghệ không quy định tiêu chuẩn sản phẩm).

2. Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao có hiệu lực kể từ ngày cấp. Trường hợp các bên có thỏa thuận về thời hạn sử dụng công nghệ chuyển giao, thì Giấy chứng nhận có hiệu lực đến thời điểm kết thúc quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao.

3. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển

giao trong trường hợp vi phạm hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động chuyển giao công nghệ quy định tại Điều 12 Luật Chuyển giao công nghệ. Thời điểm hủy bỏ hiệu lực tính từ thời điểm vi phạm.

Tổ chức, cá nhân được hưởng hỗ trợ, ưu đãi từ việc chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ các khoản hỗ trợ, ưu đãi đã được hưởng trong trường hợp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao bị hủy bỏ hiệu lực.

### **Điều 5. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận**

1. Các bên tham gia chuyển giao công nghệ có thỏa thuận sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao phải gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy chứng nhận để được cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (theo Mẫu số 08 quy định tại Phụ lục của Quyết định này);

b) Các tài liệu liên quan đến nội dung sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

3. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nhưng không thay đổi công nghệ được chuyển giao và sản phẩm của công nghệ được chuyển giao, Cơ quan cấp Giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung không cần thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ và không tiến hành kiểm tra thực tế chuyển giao công nghệ.

### **Điều 6. Kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thẩm định được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp hàng năm cho Cơ quan cấp Giấy chứng nhận.

2. Nội dung chi, mức chi được áp dụng theo hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Việc thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### **Điều 7. Chế độ báo cáo và kiểm tra**

1. Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm định kỳ báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ ngành có liên quan hoặc phối hợp với Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan tại địa phương tổ chức kiểm tra hoạt động chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này. Kết quả kiểm tra và xử lý (nếu có) được thông báo đến các bên tham gia chuyển giao công nghệ và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Lưu: VT, VPCP.

**THỦ TƯỚNG**